

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 10-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Hoàng Mai và ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 700/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 613/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Hoàng O**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Lê Anh N**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ngày 10 tháng 01 năm 2024: Có mặt bà Đặng Thị Hoàng O, bị đơn ông Lê Anh N vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 13/09/2023 nguyên đơn bà Đặng Thị Hoàng O thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Lê Anh N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Hôn nhân của cả hai có tổ chức lễ cưới và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 26/3/2004. Quá trình chung

sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cả hai không có tiếng nói chung. Cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Do cuộc hôn nhân của bà không có hạnh phúc đời sống chung không thể kéo dài nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Lê Anh N;

2/ Về con chung: Bà và ông N có 03 con chung Lê Đăng Hoàng A, sinh ngày 08/9/2004; Lê Đăng Thành K, sinh ngày 19/7/2007 và Lê Đăng Long S, sinh ngày 10/01/2013. Khi ly hôn, con chung Lê Đăng Hoàng A đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Lê Đăng Thành K và Lê Đăng Long S bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: không có;

4/ Về nợ chung: không có.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Lê Anh N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa ngày 10 tháng 01 năm 2024:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không lý do.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O với ông N.

+ Về con chung: Lê Đăng Hoàng A, sinh ngày 08/9/2004; Lê Đăng Thành K, sinh ngày 19/7/2007 và Lê Đăng Long S, sinh ngày 10/01/2013. Khi ly hôn, con chung Lê Đăng Hoàng A đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; đối với cháu Lê Đăng Thành K và Lê Đăng Long S chưa thành niên giao cho bà Đặng Thị Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng khi bà O và ông N ly hôn. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà O không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà O phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà O khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông N. Ông N có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà O và ông N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 26/3/2004. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà O yêu cầu ly hôn với ông N. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không quan tâm đến vợ con, kinh tế trong gia đình chủ yếu là do bà lo. Vợ chồng đã ly thân hơn tám tháng nay. Hiện tại do tình cảm không còn nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông N. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa bà O và ông N; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản trình bày ý kiến thể hiện được ông N làm vào tháng 9/2023 trong hồ sơ Trung Tâm Hòa giải Đối thoại tại Tòa án chuyển sang thể hiện ông N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O. Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án ông N không tham dự các buổi hòa giải, không tham dự phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên bà O suy nghĩ lại, cho ông N thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn tuy nhiên bà O cương quyết không đồng ý và xác định không còn tình cảm với ông N. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O với ông N.

[3.2] Về con chung: Bà O và ông N có ba con chung tên Lê Đăng Hoàng A, sinh ngày 08/9/2004; Lê Đăng Thành K, sinh ngày 19/7/2007 và Lê Đăng Long S, sinh ngày 10/01/2013. Hiện con chung đang được bà O chăm sóc. Khi ly hôn, cháu Lê Đăng Hoàng A đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng cháu Lê Đăng Thành K, Lê Đăng Long S chưa trưởng thành bà O có nguyện vọng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi được được nguyện vọng của cháu Lê Đăng Thành K muốn sống với cha hay mẹ do bà O từ chối vì cháu không muốn đến Tòa án và bà cũng không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của cháu; riêng cháu Lê Đăng Long S thể hiện ý kiến tại biên bản ghi ý kiến ngày 22/11/2023 cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Trong vụ án này, ông N không có yêu cầu được nuôi con, hay thể hiện ý kiến tranh chấp việc nuôi con với bà O. Do đó, căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung Hội đồng xét

xử quyết định giao hai con chung chưa thành niên cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng khi bà O và ông N ly hôn.

Bà O phải tạo điều kiện cho ông N trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Bà O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Bà O trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà O và ông N phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà O phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Hoàng O với ông Lê Anh N.

2/ Về quan hệ con chung: Bà O và ông N có 03 con chung là Lê Đặng Hoàng A, sinh ngày 08/9/2004; Lê Đặng Thành K, sinh ngày 19/7/2007 và Lê Đặng Long S, sinh ngày 10/01/2013. Khi ly hôn, con chung Lê Đặng Hoàng A đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; đối với cháu Lê Đặng Thành K và Lê Đặng Long S giao cho bà Đặng Thị Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng khi bà O và ông N ly hôn.

Bà O phải tạo điều kiện cho ông N trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà O không yêu cầu.

3/ Về quan hệ tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về quan hệ nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà O phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001011 ngày 06 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà O đã nộp đủ.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị Hoàng O được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lê Anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu